TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: *30/2017DS-ST*
Ngày: 23/6/2017
V/v tranh chấp: hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Minh Tuấn – Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Sương

2. Ông Lưu Trọng Kim

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hưng - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Đinh Công Quảng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2017, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2017/TLST-DS, ngày 16 tháng 01 năm 2017, về tranh chấp: Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2017/QĐXX-ST ngày 10/5/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2017/QĐST-DS ngày 01/6/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1974. Có mặt.

Nơi cư trú: Tổ A, khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1972 và ông Nguyễn Mậu Gia H, sinh năm 1968. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Nơi cư trú: Tổ A, khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1973. Có mặt.

Nơi cư trú: Tổ A, khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2016, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Trước kia, tôi có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Mậu Gia H vay mượn tiền nhiều lần, với tổng số tiền là 311.000.000đồng, trong đó khoản nợ 1.000.000đồng là do tôi cho bà Y mượn lúc có việc đột xuất hàng ngày. Đến ngày 25/02/2013, bà Y xin gia hạn đối với các khoản nợ có tổng số tiền 310.000.000đồng, thêm 02 năm, tức là đến ngày 25/02/2015. Từ đó cho đến nay, tôi có đòi nợ nhiều lần nhưng ông bà vẫn dây dưa không chịu trả. Nay tôi yêu cầu bà Y và ông H trả số nợ gốc là 311.000.000đồng và tiền lãi phát sinh tính trên số tiền gốc 310.000.000 đồng từ ngày 26/02/2015 cho đến ngày 23/6/2017 là 72.075.000đồng, tổng cộng thành 383.075.000đồng.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn Nguyễn Thị Y trình bày:

Ngày 01/02/2011, vợ chồng bà có chốt số nợ với bà N là 250.000.000đồng. Sau đó, vợ chồng tôi có đứng ra vay cho ông Phan Ngọc T là người quen số tiền 60.000.000 đồng và đưa 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho N làm tin, tổng số nợ thành 310.000.000đồng. Đến nay, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chúng tôi không trả được nợ cho bà N.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn A trình bày:

Ông thống nhất với nội dung về việc vay mượn nợ mà bà N trình bày. Ông A yêu cầu bà Y và ông H trả số nợ gốc là 311.000.000đồng và tiền lãi được tính là 72.075.000đồng, vì tiền cho vay là tài sản chung của ông và bà N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán đã thụ lý hồ sơ vụ án đúng thẩm quyền, gửi thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh và các đương sự đúng thời hạn luật định, xác định đúng quan hệ pháp luật đang tranh chấp. Đối với Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án theo đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật tố tụng dân sự đã quy định. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, còn

bị đơn không chấp hành tốt các quy định pháp luật. Về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn nên cần chấp nhận buộc bà Y và ông H trả số tiền nợ gốc là 311.000.000đồng và tiền lãi phát sinh được tính theo lãi suất 10%/năm kể từ ngày 26/2/2015 đối với khoản nợ 310.000.000đồng.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng bà Y và ông H không đến tham gia;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhận định như sau:

[1] Bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Mậu Gia H là bị đơn trong vụ án, đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Nên tiến hành xét xử vắng mặt bà Y và ông H, là phù hợp quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét thấy, việc bà Nguyễn Thị Hồng N khởi kiện bà Y và ông H là có căn cứ pháp lý. Bởi vì, bà Y thừa nhận vợ chồng bà có vay mượn của bà N số tiền 311.000.000 đồng (trong đó có 60.000.000 đồng vay dùm cho ông Phạm Ngọc Thi và 1.000.000 đồng là tiền mượn vào năm 2010), đến ngày 25/02/2013 thì có xin gia hạn thời trả nợ thêm 02 năm đối với các khoản nợ có tổng số tiền là 310.000.000đồng. Tuy việc vay tiền phần lớn là bà Y là người ký nhận vay nhưng ông H biết những khoản vay này và cũng có ký nhận tiền, hơn nữa bà Y khai nhận việc vay khoản tiền này là để làm ăn kinh tế gia đình nhưng bị thất bại, nên có đủ cơ sở để buộc ông H có trách nhiệm liên đới với bà Y cùng trả khoản nợ này là phù hợp Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc vay mượn này không có thỏa thuận lãi suất và thời điểm đến hạn trả nợ là ngày 25/02/2015, nên xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi theo khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Từ những nhận định nêu trên, có đủ cơ sở để buộc bà Y và ông H trả số tiền nợ gốc là 311.000.000đồng.

[3] Đối với số tiền 60.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Mậu Gia H vay của bà Nguyễn Thị Hồng N, bà Y cho rằng vay dùm cho người quen là ông Phạm Ngọc T. Tuy nhiên khoản vay này do vợ chồng bà Y ông H đứng tên ký vay và nhận tiền, không liên quan đến ông Phan Ngọc T nên cần buộc vợ chồng bà Y phải trả khoản tiền này cho bà N ông A là đúng pháp luật.

[4] Về việc bà Y có đưa cho bà N một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phan Ngọc T, số AI 164135 để làm tin, không có thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm và các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Ngoài ra, bà N và ông A yêu cầu tính lãi suất trên số tiền 310.000.000 đồng từ ngày 26/02/2015 cho đến ngày 23/6/2017 với lãi suất 10%/năm, tương đương với số tiền 72.075.000đồng. Xét thấy, đây là yêu cầu hoàn toàn phù hợp, vì bà Y và ông H đã vi phạm thời hạn trả nợ là ngày 25/02/2015, mặc dù các bên khi vay không thỏa thuận lãi suất nhưng bà N và ông A có quyền yêu cầu tính tiền lãi dựa trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, theo quy định tại khoản 4 Điều 466. Thấy rằng, yêu cầu tính tiền lãi và mức lãi suất mà bà N và ông A đưa ra là phù hợp quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

Căn cứ quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, bà Y và ông H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm, kể từ khi bà N và ông A có đơn yêu cầu thi hành án, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Mậu Gia H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357, khoản 4 Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội:

Xử:

1. Tuyên bố: Bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Mậu Gia H phải trả cho bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn A số tiền 383.075.000đồng (Ba trăm tám mươi ba triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 311.000.000đồng và tiền lãi là 72.075.000đồng.

Kể từ ngày bà N và ông A có đơn yêu cầu thi hành án thì bà Y và ông H còn phải chịu một khoản tiền lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Mậu Gia H phải chịu 19.154.000đồng (Mười chín triệu một trăm năm mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Hồng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được hoàn trả 11.081.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009824 ngày 16/01/2017, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

3. Báo cho nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án (23/6/2017); bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
TAND tỉnh;
VKSND huyện;
THADS huyện;
Các đương sự;
Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Minh Tuấn